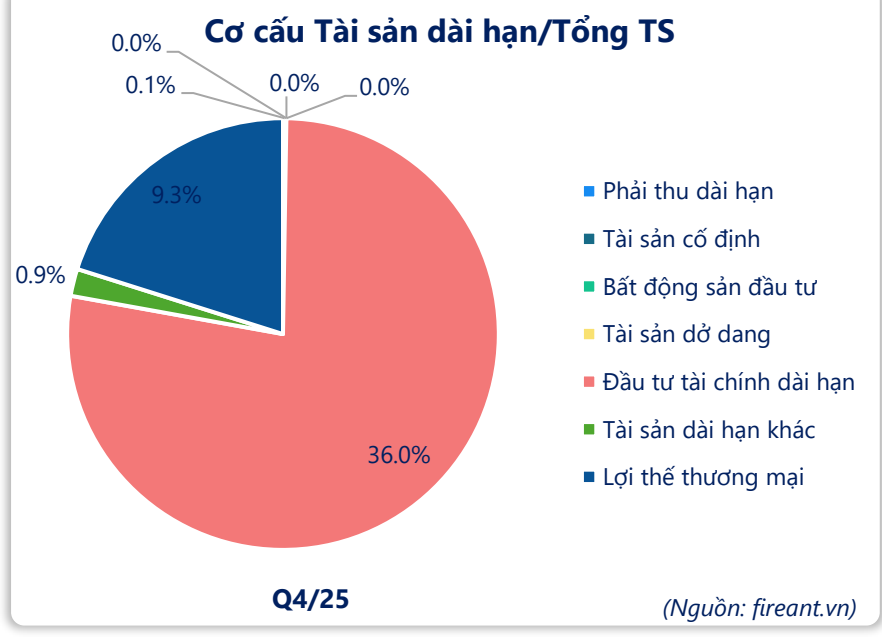
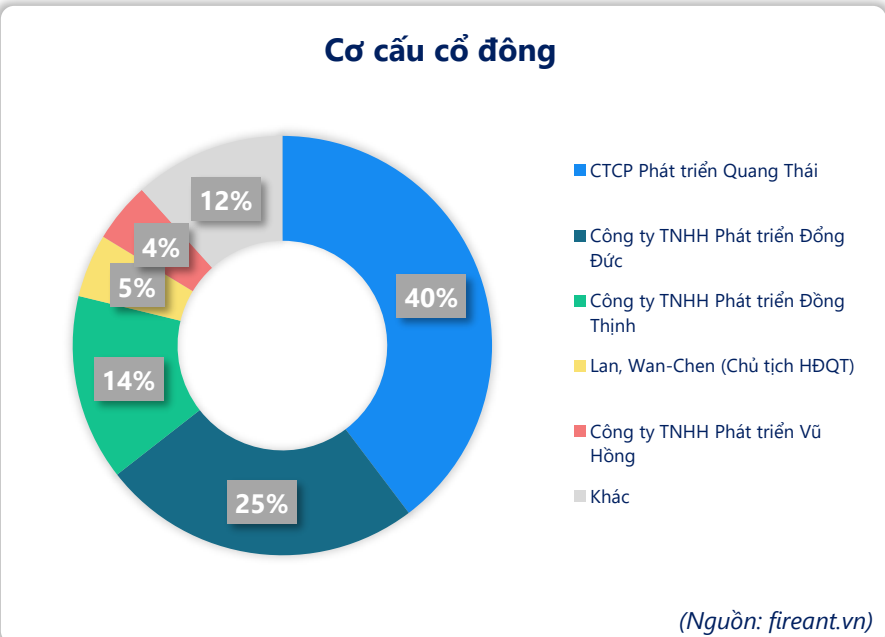
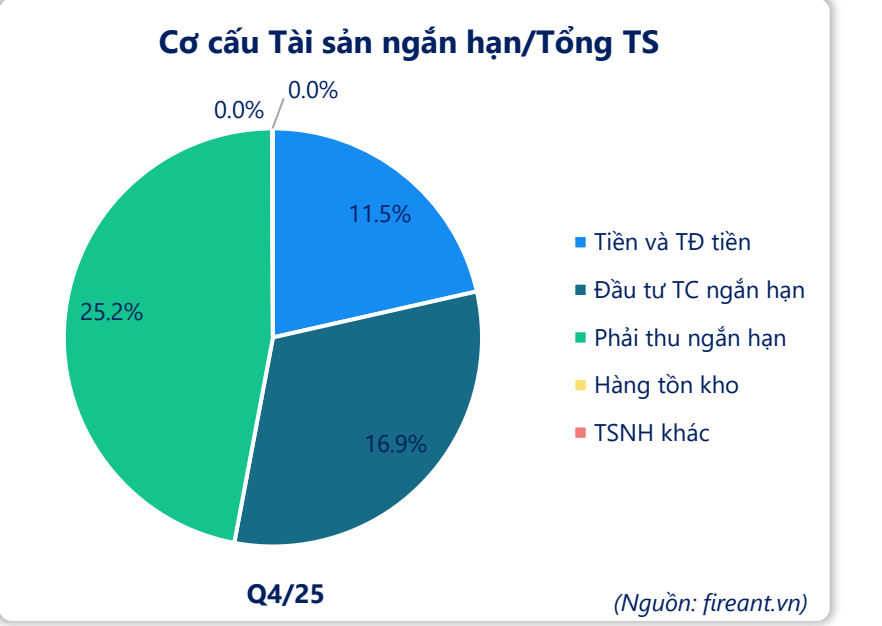
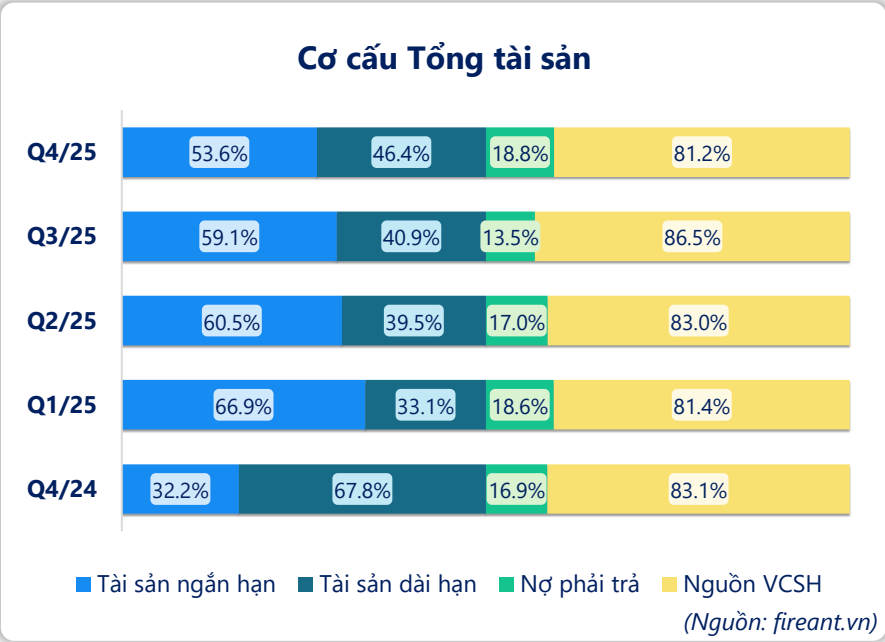
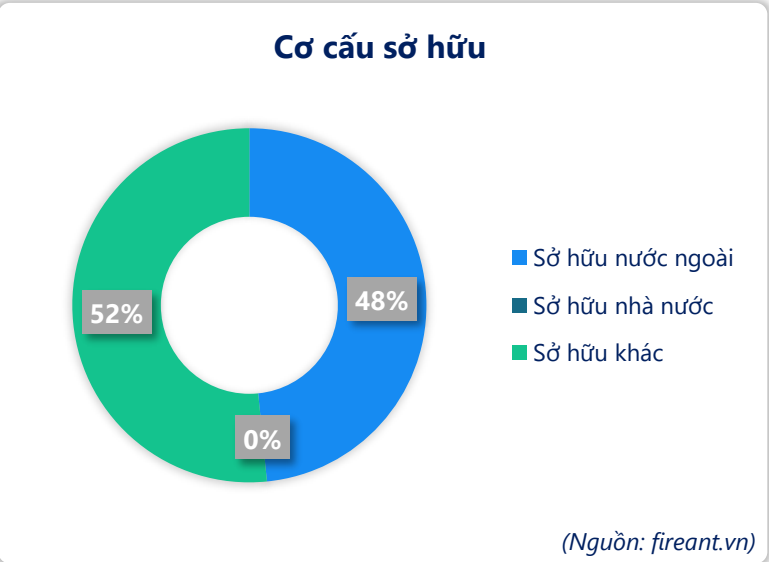
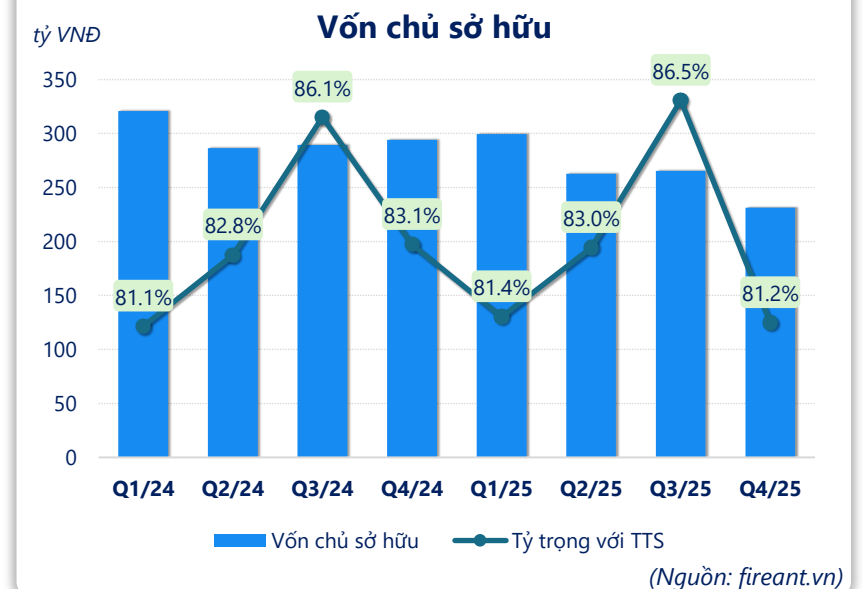
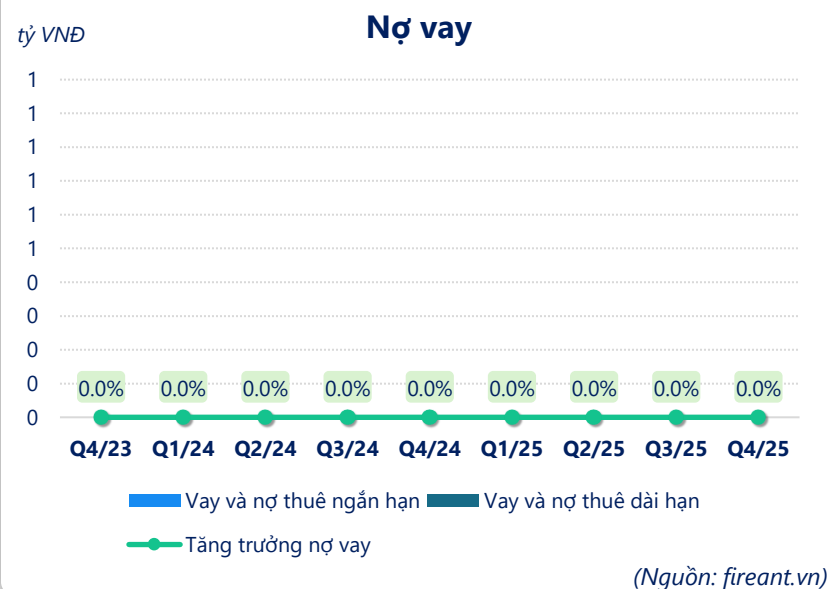
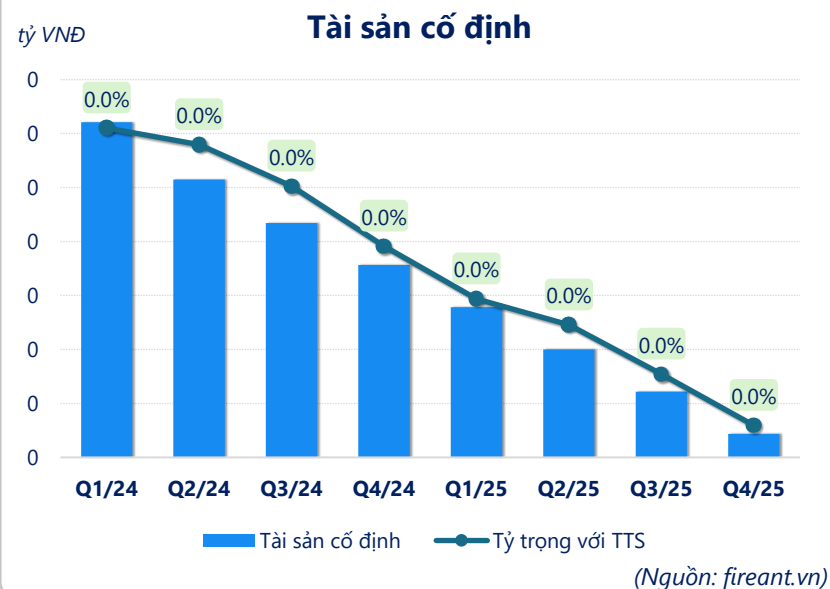
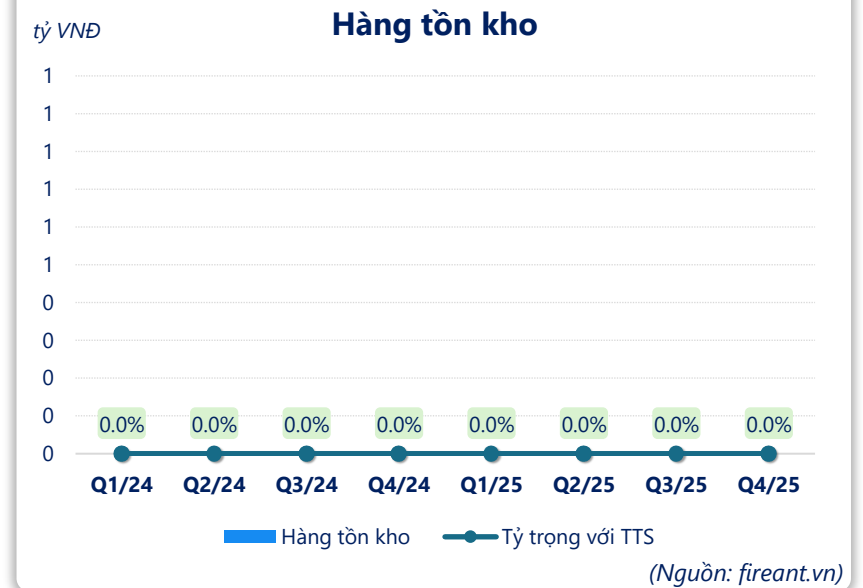
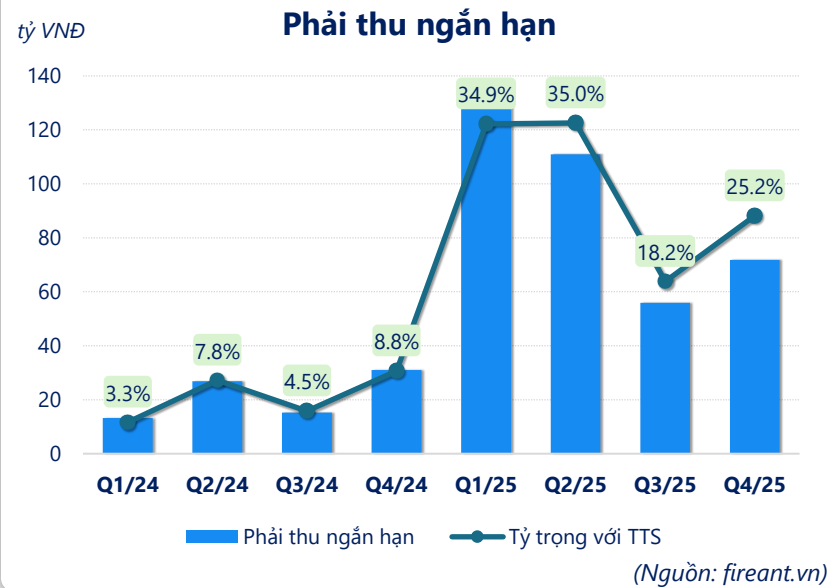
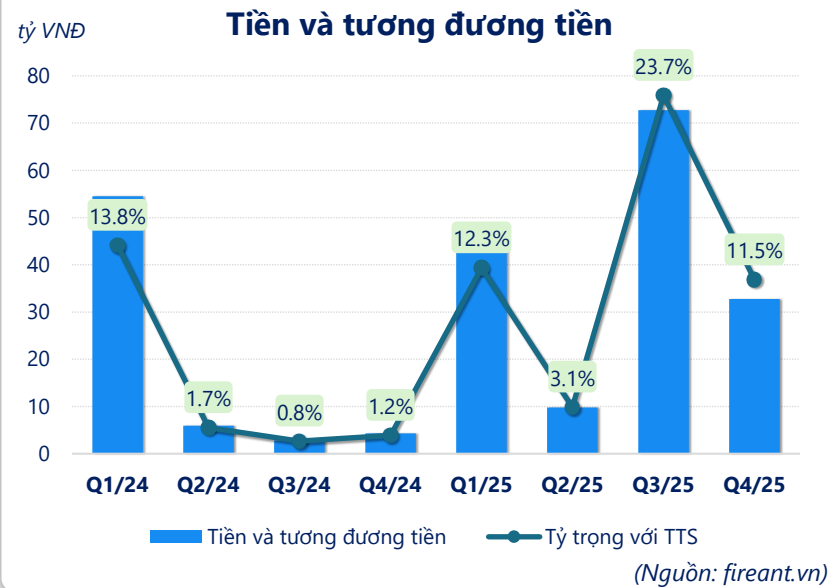
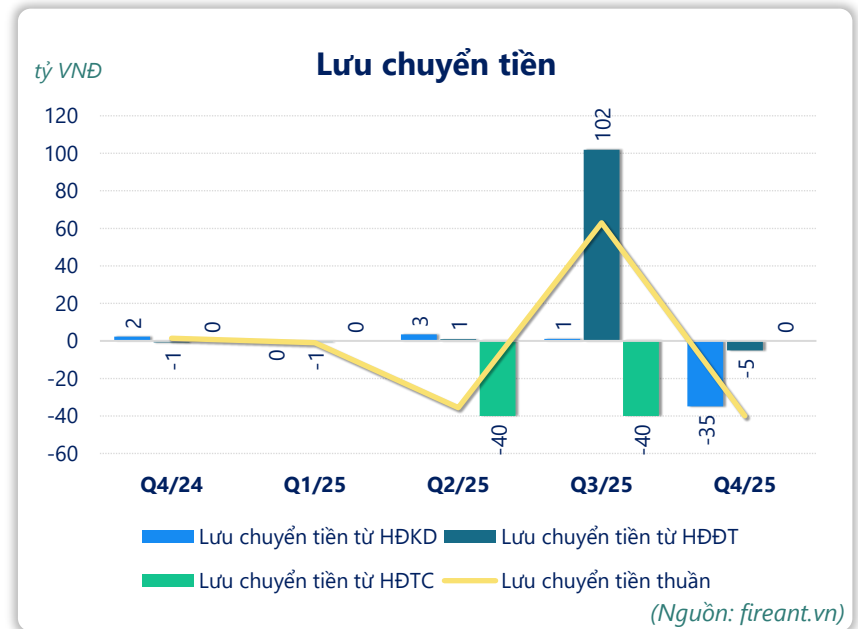
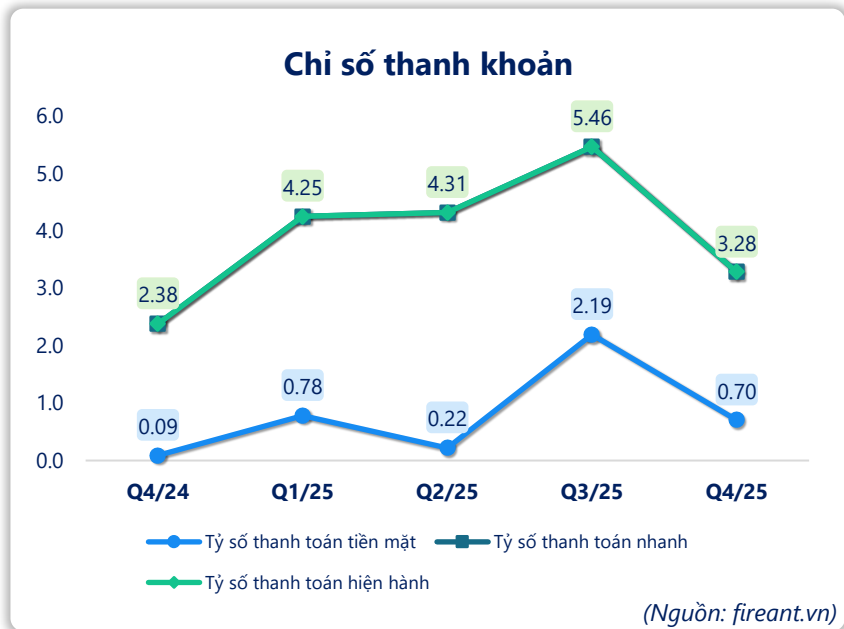
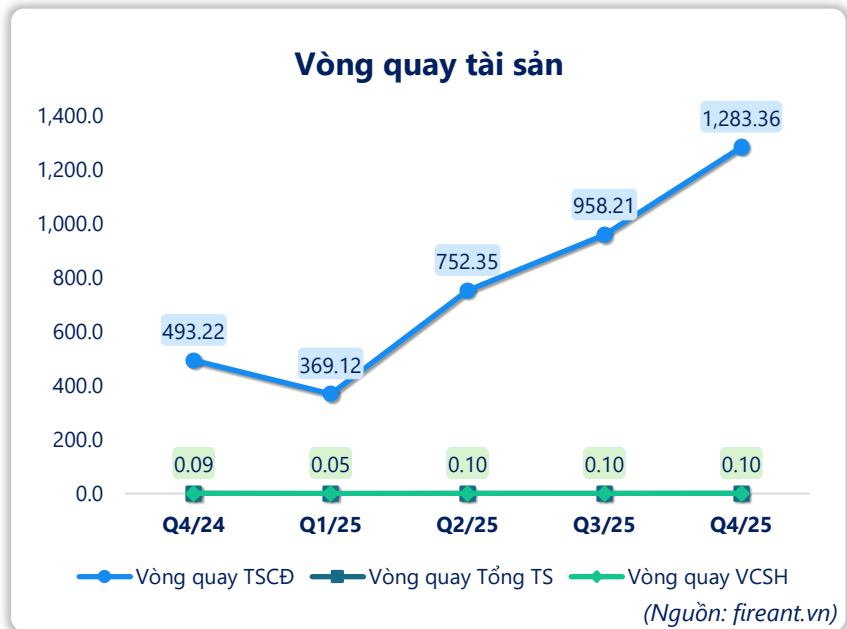
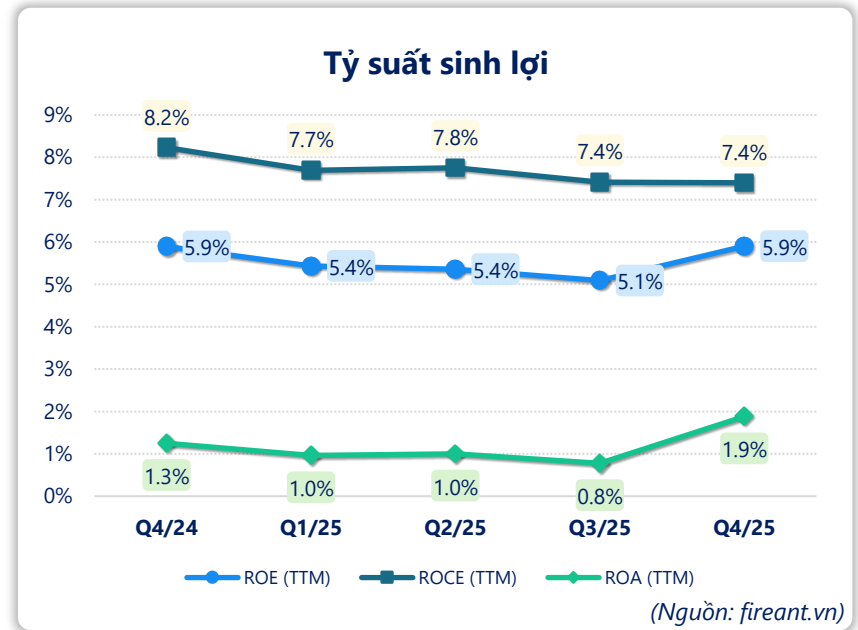
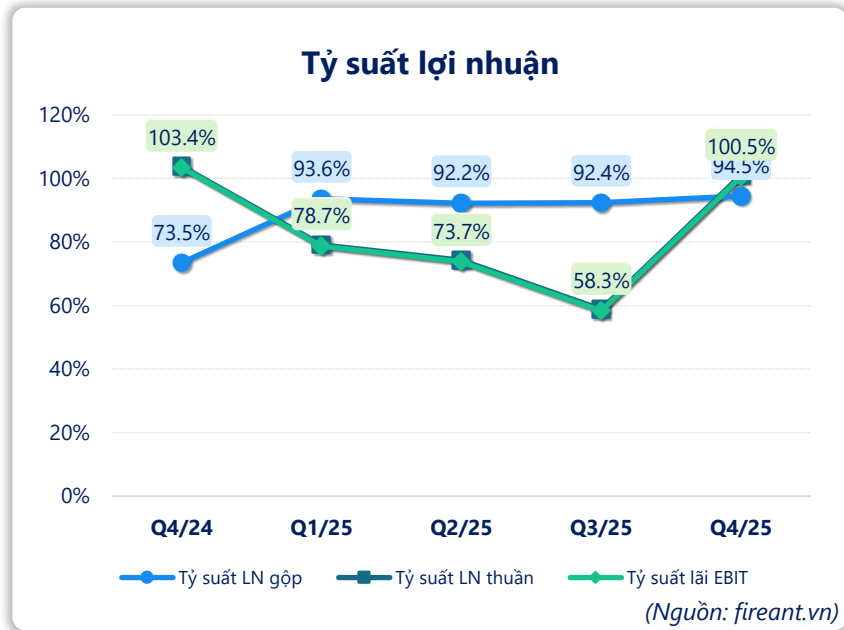
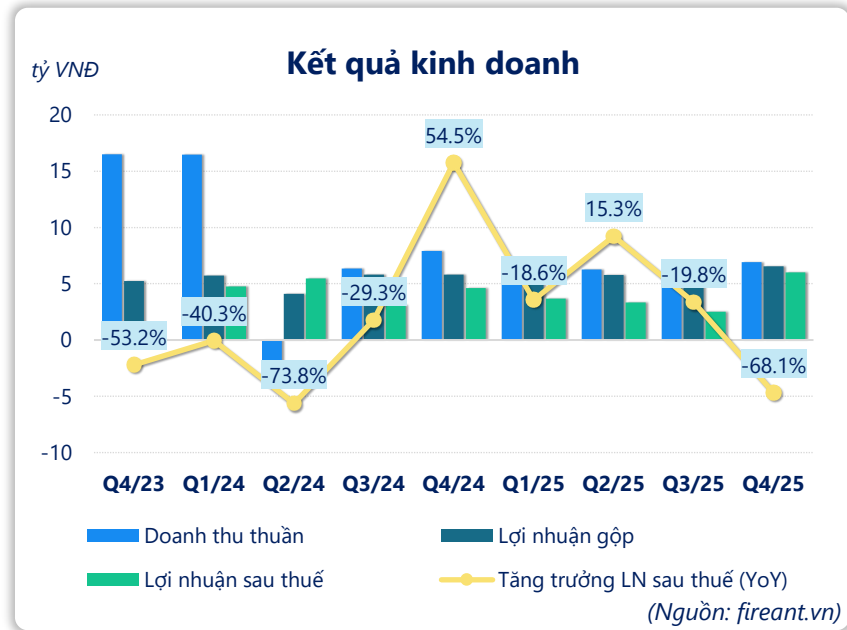


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,258
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		650
% sở hữu nước ngoài		48.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		258
P/E		16.6
EPS		775

	YTD	1T	3T	6T
ABR	19.6%	-4.4%	-8.2%	11.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	285	355	-19.7%
Tài sản ngắn hạn	153	197	-22.5%
Tiền và tương đương tiền	32.8	46.3	-29.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.1	111	-56.7%
Phải thu ngắn hạn	71.7	39.3	82.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.21	-62.8%
Tài sản dài hạn	132	158	-16.2%
Phải thu dài hạn	0.33	0.42	-20.7%
Tài sản cố định	0.00	0.04	-87.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	103	122	-15.8%
Tài sản dài hạn khác	2.69	2.01	33.6%
Lợi thế thương mại	26.6	33.5	-20.5%
Nợ phải trả	53.5	58.9	-9.1%
Nợ ngắn hạn	46.6	46.9	-0.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	29.6	30.5	-3.0%
Nợ dài hạn	6.97	12.0	-42.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	231	296	-21.8%
Vốn chủ sở hữu	231	296	-21.8%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	7.91	6.37	6.26	6.11	6.92
Giá vốn hàng bán	2.10	0.40	0.49	0.46	0.38
Lợi nhuận gộp	5.82	5.96	5.77	5.64	6.54
Doanh thu HĐTC	3.51	3.50	3.11	2.48	2.10
Chi phí TC	0.09	0.11	0.06	0.07	0.07
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-0.04	0.01	0.01	0.02	-0.03
Chi phí QLDN	1.07	4.30	4.16	4.45	1.60
LN thuần từ HĐKD	8.21	5.04	4.65	3.59	6.99
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.03	-0.03	-0.03	-0.03
LN trước thuế	8.18	5.01	4.62	3.56	6.96
Lợi nhuận sau thuế	4.63	3.68	3.32	2.50	6.01
LNST của CĐ cty mẹ	4.63	3.68	3.32	2.50	6.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.24	-0.36	3.48	1.07	-34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.76	-0.63	1.00	102	-5.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-40.0	-40.0	0
Tiền đầu kỳ	2.80	46.3	45.3	9.76	72.7
Lưu chuyển tiền thuần	1.48	-0.99	-35.5	63.0	-39.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.27	45.3	9.76	72.7	32.8

(Nguồn: fireant.vn)